BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Cơ khí số 1 trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2007.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Cơ khí số 1 (gọi tắt là 'Công ty') tiền thân là Công ty Xây dựng và Cơ khí số 1, là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 3854/QĐ-BGTVT ngày 21/01/2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Từ ngày 14/10/2005, Công ty Xây dựng và Cơ khí số 1 được chuyển thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Cơ khí số 1 theo Quyết định số 3854/QĐ-BGTVT ngày 21/01/2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009571 ngày 14/10/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty: 15.200.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Xây dựng các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi và kết cấu hạ tầng, cụm dân cư, khu đô thị mới, khu công nghiệp; xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Sản xuất ô tô và phụ tùng ô tô các loại; các sản phẩm cơ khí, công nghiệp, sửa chữa, lắp ráp, tân trang hoán cải, phục hồi thiết bị xây dựng và phương tiện giao thông vận tải, gia công chế biến hàng xuất nhập khẩu;
- Sửa chữa, lắp ráp ô tô;
- Sản xuất sản phẩm công nghiệp khác;
- Kinh doanh nhà, hạ tầng khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên liệu, đại lý xăng dầu, phương tiện vận tải và phụ tùng, thiết bị, máy móc các loại, hàng tiêu dùng, đại lý mua bán và cho thuê máy móc thiết bị xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và các cấu kiện vật liệu đúc sẵn;
- Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng;
- Kinh doanh vận tải ô tô;
- Khảo sát xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp./.

Địa chỉ: Km9 - Quốc lộ 1A - Hoàng Mai - Hà Nội
Tel: 04 8 615 239 Fax: 04 8 612 718

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2007 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Uy	Ủy viên
Ông Vũ Tuấn Anh	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Hà	Ủy viên
Ông Lê Hoàng	Ủy viên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(Tiếp theo)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Tuấn Anh	Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Uy	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Hà	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Khắc	Trưởng ban
Bà Đỗ Thị Ánh Mai	Ủy viên
Bà Phạm Lan Chi	Ủy viên

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2007 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2007.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2007 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2007 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CƠ KHÍ SỐ 1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CƠ KHÍ SỐ 1

Vũ Tuấn Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2008

LIMITED COMPANY
VAE
CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, ĐỊNH GIÁ, TƯ VẤN TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, THUẾ
Địa chỉ : Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT : 04.2670 491/492/493 • Fax : 04.2670 494 • E-mail : vae_co@viettel.com.vn

Số : 195../TII-VAE

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2008

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính năm 2007
của Công ty Cổ phần Xây dựng và Cơ khí số 1

Kính gửi: **Ban giám đốc**
Công ty Cổ phần Xây dựng và Cơ khí số 1

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2007 được lập ngày 21 tháng 03 năm 2008 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Cơ khí số 1 (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 30 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Cơ khí số 1.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Công việc kiểm toán bao gồm kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các ghi chép kế toán, những bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá các ước tính kế toán, những kế hoạch và quyết định trọng yếu của Ban Giám đốc trong quá trình lập Báo cáo tài chính này và xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán, trình bày đầy đủ và phù hợp với điều kiện của Công ty hay không.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được các thông tin và sự giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết, qua đó cung cấp các bằng chứng xác thực cho chúng tôi để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Để đưa ra ý kiến, chúng tôi cũng đã đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng, công việc kiểm toán đã cung cấp một cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Chúng tôi xin lưu ý, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán là báo cáo riêng của nhà đầu tư, do đó các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Cơ khí số 1 năm tài chính 2007:

a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2007, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và

b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

VIETNAM AUDITING AND EVALUATION LIMITED COMPANY
OFFICE : FLOOR 11 SONG DA BUILDING - NO 165
CAU GIAY ROAD , - CAU GIAY DISTRICT , - HANOI
TEL: 04.2670 491/492/493 * FAX: 04.2670 494 * E-MAIL: VAE_CO@VIETTEL.COM.VN

Báo cáo kiểm toán được lập thành năm (05) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Xây dựng và Cơ khí số 1 giữ 04 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Trần Quốc Tuấn
Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Phạm Hùng Sơn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0831/KTV

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**62.824.749.199**	**36.437.029.664**
I Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**2.809.928.155**	**895.706.934**
1 Tiền	111	V.1.	2.809.928.155	895.706.934
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.2.**	***29.158.805.808***	***8.687.201.800***
1 Đầu tư ngắn hạn	121		30.190.819.808	8.687.201.800
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(1.032.014.000)	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**21.530.599.595**	**8.748.040.703**
1 Phải thu của khách hàng	131	VII.24.1	12.033.765.403	5.703.982.560
2 Trả trước cho người bán	132	VII.24.2	2.500.000.000	2.500.000.000
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	6.996.834.192	544.058.143
IV Hàng tồn kho	**140**		**7.600.961.571**	**6.761.006.288**
1 Hàng tồn kho	141	V.4.	7.600.961.571	6.761.006.288
V Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.724.454.070**	**11.345.073.939**
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	409.318.508
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5.	-	23.742.309
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.24.3	1.724.454.070	10.912.013.122
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	**200**		**9.031.672.643**	**3.079.722.206**
I Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II Tài sản cố định	**220**		**2.821.672.643**	**2.522.005.276**
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	2.821.672.643	2.522.005.276
- Nguyên giá	222		5.956.887.710	5.403.114.220
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(3.135.215.067)	(2.881.108.944)
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**6.210.000.000**	**516.000.000**
1 Đầu tư vào công ty con	251	VII.24.5	-	516.000.000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VII.24.6	4.410.000.000	-
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.6.	1.800.000.000	-
V Tài sản dài hạn khác	**260**		-	**41.716.930**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	-	41.716.930
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**71.856.421.842**	**39.516.751.870**

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**41.557.017.746**	**21.859.759.023**
I Nợ ngắn hạn	**310**		**41.017.312.652**	**21.859.759.023**
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9.	33.845.907.278	13.447.269.256
2 Phải trả người bán	312	VII.24.7	1.976.117.142	2.435.516.279
3 Người mua trả tiền trước	313	VII.24.8	1.247.800.000	3.128.639.505
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.	467.786.474	192.050.058
5 Phải trả người lao động	315		57.807.154	-
6 Chi phí phải trả	316	V.11.	243.567.008	200.822.186
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12.	3.178.327.596	2.455.461.739
II Nợ dài hạn	**330**		**539.705.094**	**-**
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.13.	510.625.000	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		29.080.094	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	**400**		**30.299.404.096**	**17.656.992.847**
I Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.14.**	**29.850.502.034**	**17.644.642.525**
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.200.000.000	15.200.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		4.954.833.089	815.950.183
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		2.217.258.699	-
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		180.000.000	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.298.410.246	1.628.692.342
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**448.902.062**	**12.350.322**
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		448.902.062	12.350.322
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**71.856.421.842**	**39.516.751.870**

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CƠ KHÍ SỐ 1

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đỗ Ánh Mai	Nguyễn Trọng Hà	Vũ Tuấn Anh

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2007

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**VI.15.**	**77.088.623.269**	**19.215.369.653**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.16.	-	454.102.238
3	**Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=10-11)**	**10**	**VI.17.**	**77.088.623.269**	**18.761.267.415**
4	**Giá vốn hàng bán**	**11**	**VI.18.**	**76.168.322.007**	**16.734.512.804**
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**920.301.262**	**2.026.754.611**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19.	18.853.645.873	4.354.118.096
7	Chi phí tài chính	22	VI.20.	3.709.549.845	1.324.663.179
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*2.436.975.617*	*1.026.116.424*
8	Chi phí bán hàng	24	VII.24.9	387.984.505	881.593.142
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.24.10	2.264.618.768	1.668.439.796
10	**Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}**	**30**		**13.411.794.017**	**2.506.176.590**
11	Thu nhập khác	31	VII.24.11	1.462.998.533	475.789.351
12	Chi phí khác	32	VII.24.12	93.067.887	84.865.614
13	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**1.369.930.646**	**390.923.737**
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**14.781.724.663**	**2.897.100.327**
17	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**14.781.724.663**	**2.897.100.327**
18	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**		***9.725***	***3.190***
19	**Lợi nhuận lũy kế năm trước chuyển sang**			**1.628.692.342**	**75.363.034**
20	**Các khoản giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế**			**(9.112.006.759)**	**(1.343.771.019)**
	Trích lập quỹ đầu tư phát triển			(4.138.882.906)	(811.188.092)
	Trích lập quỹ dự phòng tài chính			(2.217.258.699)	-
	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi			(443.451.740)	-
	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			(194.000.000)	-
	Chia cổ tức			(2.118.413.414)	(509.010.000)
	Khoản phạt thuế			-	(23.572.927)
21	**Lợi nhuận/(lỗ) luỹ kế**			**7.298.410.246**	**1.628.692.342**

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CƠ KHÍ SỐ 1

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đỗ Ánh Mai	Nguyễn Trọng Hà	Vũ Tuấn Anh

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		73.877.691.510	18.443.514.143
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(60.405.292.334)	(5.712.427.333)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(279.505.793)	(665.318.955)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(2.193.408.609)	(1.094.086.268)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(78.513.045)	(112.716.946)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		24.855.256.466	31.477.576.937
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(48.751.165.083)	(40.889.457.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(12.974.936.888)**	**1.447.083.678**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		846.246.068	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		217.142.856	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(12.049.741.800)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.104.518.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.639.504.102)	(516.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		289.350.265	4.354.118.096
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(4.286.764.913)**	**(4.107.105.704)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		68.790.619.206	26.450.316.717
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(47.881.356.184)	(25.997.588.016)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.733.340.000)	(509.010.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**19.175.923.022**	**(56.281.299)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**1.914.221.221**	**(2.716.303.325)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**895.706.934**	**3.612.010.259**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**		**2.809.928.155**	**895.706.934**

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CƠ KHÍ SỐ 1

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đỗ Ánh Mai	Nguyễn Trọng Hà	Vũ Tuấn Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CƠ KHÍ SỐ 1

Mẫu B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007
(tiếp theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Cơ khí số 1 (gọi tắt là 'Công ty') tiền thân là Công ty Xây dựng và Cơ khí số 1, là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 3854/QĐ-BGTVT ngày 21/01/2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Từ ngày 14/10/2005, Công ty Xây dựng và Cơ khí số 1 được chuyển thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Cơ khí số 1 theo Quyết định số 3854/QĐ-BGTVT ngày 21/01/2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009571 ngày 14/10/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 15.200.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông, sản xuất và kinh doanh thương mại và dịch vụ, đầu tư

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, thuỷ lợi và kết cấu hạ tầng, cụm dân cư, khu đô thị mới, khu công nghiệp; xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 35 KV;
- Sản xuất ôtô và phụ tùng ôtô các loại; các sản phẩm cơ khí, công nghiệp, sửa chữa, lắp ráp, tân trang, hoán cải, phục hồi thiết bị xây dựng và phương tiện giao thông vận tải, gia công chế biến hàng xuất nhập khẩu;
- Sửa chữa, lắp ráp ôtô;
- Sản xuất sản phẩm công nghiệp khác;
- Kinh doanh nhà, hạ tầng khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên vật liệu, đại lý xăng dầu, phương tiện vận tải và phụ tùng, thiết bị, máy móc các loại, hàng tiêu dùng, đại lý mua bán và cho thuê máy móc thiết bị xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và các cấu kiện vật liệu đúc sẵn;
- Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng;
- Kinh doanh vận tải ôtô;
- Khảo sát xây dựng các công trình giao thông, thuỷ lợi, dân dụng, công nghiệp./.

Địa chỉ: Km9 - Quốc lộ 1A - Hoàng Mai - Hà Nội
Tel: 04 8 615 239 Fax: 04 8 612 718

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (" VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007
(tiếp theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Unesco Accounting System. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Khoản tiền đang chuyển là khoản tiền bán chứng khoán có mã "DPR" đang trong thời hạn chuyển tiền về tài khoản của Công ty tại Công ty Chứng khoán Thăng Long.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được tính theo giá gốc

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Phương pháp giá đích danh

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho* : Phương pháp kê khai thường xuyên

- *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

Tại thời điểm 31/12/2007, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007
(tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.
Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm >
Nhà cửa vật kiến trúc	*25 -50*
Máy móc, thiết bị	*05 - 12*
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	*27 -50*
Thiết bị, dụng cụ quản lý	*03*

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là tiền mua cổ phiếu của Công ty Nhựa thiếu niên Tiền Phong, Công ty Cổ phần Vinaconex, Công ty Chứng khoán Sài Gòn, Ngân hàng VPBANK,... được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày mua.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Khoản đầu tư vào Công ty con là khoản Công ty góp vốn vào Công ty Liên doanh Sản xuất thùng xe Việt Hàn.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết là khoản Công ty góp vốn vào Trung tâm Dạy nghề nhân đạo mỹ nghệ Kim Hoàn.

Khoản đầu tư dài hạn khác là khoản Công ty góp vốn vào Công ty Liên doanh Sản xuất thùng xe Việt Hàn.

Tại thời điểm 31/12/2007 Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn đối với từng loại cổ phiếu có giá bán bình quân trên thị trường thấp hơn giá gốc mua vào của loại cổ phiếu đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007
(tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay và thời gian vay thực tế.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán máy xây dựng và vật tư xây dựng, xây lắp, cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi, doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, thu cổ tức, hoạt động mua, bán chứng khoán.

Doanh thu bán hàng hoá được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 – " Doanh thu và thu nhập khác".

Do các hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng, Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 – " Hợp đồng xây dựng".

Phần công việc hoàn thành của hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo tỷ lệ phần trăm giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của hợp đồng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 – " Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ hoạt động mua, bán chứng khoán được ghi nhận bằng số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 – " Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2007
(tiếp theo)

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.
Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Tại thời điểm 31/12/2007 Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

10.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

10.3 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với hàng hoá là máy móc xây dựng, dịch vụ vệ sinh xe, hợp đồng xây lắp ký kết trước ngày 01/01/2004 và 10% đối với các hợp đồng xây lắp ký kết từ ngày 01/01/2004, dịch vụ cho thuê máy, kho bãi và các dịch vụ khác theo quy định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty được miễn thuế 02 năm đầu tiên kể từ khi có lãi, giảm 50% trong 03 năm tiếp theo Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành thuế thu nhập doanh nghiệp và tiếp tục được giảm 50% trong 02 năm tiếp theo công văn số 11924TC/CST ngày 20/10/2004, công văn số 5248/TC-CST ngày 29/4/2005 và công văn số 10997/BTC-CST ngày 08/09/2006 của Bộ Tài chính về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2007
(tiếp theo)

Năm 2007 là năm thứ hai Công ty hoạt động có lãi kể từ thời điểm chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần nên Công ty được miễn 100% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

10.4 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn các công trình xây lắp được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh của từng hạng mục công trình, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.
Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

10.5 Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Đơn vị trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm năm 2007 bằng 3% quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội năm 2007.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Tiền mặt	232.103.481	595.589.385
Tiền gửi ngân hàng	216.824.674	300.117.549
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Hà Nội	*206.030.645*	*183.724.841*
Ngân hàng Công thương Hoàn Kiếm	*3.587.764*	*3.501.603*
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	-	*11.070*
Công ty Chứng khoán Bảo Việt	-	*335.863*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	-	*1.000.000*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam á	*1.570.971*	*1.544.172*
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	-	*110.000.000*
Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long- Ngân hàng Quân Đội	*5.635.294*	-
Tiền đang chuyển	2.361.000.000	-
Cộng	**2.809.928.155**	**895.706.934**

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Đầu tư cổ phiếu	***30.190.819.808***	***8.687.201.800***

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2007
(tiếp theo)

Ngân hàng VPBANK	3.859.696.400	1.718.625.000
Công ty Nhựa thiếu niên Tiền Phong	1.193.534.008	3.654.076.800
Công ty Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (PTIC)	846.080.000	492.000.000
Công ty Cao su Đồng Phú	435.894.400	2.822.500.000
Tổng Công ty Cổ phần Vinaconex	4.216.000.000	-
Công ty Cổ phần Hàng Hải Maria (MHC)	3.350.000	-
Công ty Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	2.893.700.000	-
Công ty Sữa Hà Nội (HNM)	903.760.000	-
Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam	6.561.400.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh	465.000	-
Nhà máy Sản xuất ô tô 3/2	9.276.940.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	***(1.032.014.000)***	-
Công ty Nhựa thiếu niên Tiền Phong	(172.758.000)	-
Tổng Công ty Cổ phần Vinaconex	(715.995.000)	-
Công ty Sữa Hà Nội (HNM)	(143.261.000)	-
Cộng	**29.158.805.808**	**8.687.201.800**

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Phải thu khác - Dư Nợ TK 1388	***6.957.532.728***	***515.629.951***
Khoản thuế truy thu phải nộp chờ xử lý	-	385.073.414
Hiệp hội Doanh nghiệp Cơ khí Việt Nam	-	10.000.000
Công ty TNHH Trọng Nghĩa	-	90.000.000
Xí nghiệp Xây dựng Công trình 9	30.556.537	30.556.537
Trần Thị Thu Hằng	170.000.000	-
Trung tâm Mỹ Nghệ Kim Hoàn	110.000.000	-
Nguyễn Hoàng Long (Phải thu do chuyển nhượng vốn)	3.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô MEGASTAR (Phải thu do chuyển nhượng vốn)	3.000.000.000	-
Phải thu đối tượng khác	46.976.191	-
Phải thu khác - Dư Nợ TK 3388	***39.301.464***	***28.428.192***
Bảo hiểm xã hội	39.301.464	13.713.537
Bảo hiểm y tế	-	6.376.995
Phải trả phải nộp khác	-	8.337.660
Cộng	**6.996.834.192**	**544.058.143**

4. Hàng tồn kho

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.535.740.220	-
Công trình san nền - Công ty FPT	*1.878.399.912*	-
Công trình đường tránh Tuyên Quang	*657.340.308*	-
Hàng hoá	5.065.221.351	6.761.006.288

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007
(tiếp theo)

Máy lu các loại	*1.202.686.975*	*2.520.302.627*
Máy ủi các loại	*265.714.286*	*446.723.286*
Máy san các loại	*42.141.000*	*341.914.619*
Máy xúc các loại	*3.487.449.090*	*3.344.052.227*
01 bộ phụ tùng máy xúc lật Trung quốc	*-*	*10.780.201*
Máy rải nhựa đường	*67.230.000*	*67.230.000*
Các hàng hóa khác	*-*	*30.003.328*
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**7.600.961.571**	**6.761.006.288**

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	-	23.742.309
Cộng	**-**	**23.742.309**

6. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Góp vốn vào Công ty Liên doanh Sản xuất thùng xe Việt Hàn	1.800.000.000	-
Cộng	**1.800.000.000**	**-**

7. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Công cụ dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ	-	41.716.930
Cộng	**-**	**41.716.930**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2007
(tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2007	**2.775.796.600**	**1.303.312.392**	**1.226.441.863**	**97.563.365**	**5.403.114.220**
Mua trong năm	-	-	800.152.909	46.092.159	846.245.068
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(263.070.524)	-	-	(263.070.524)
Giảm khác	-	(29.401.054)	-	-	(29.401.054)
Số dư ngày 31/12/2007	**2.775.796.600**	**1.010.840.814**	**2.026.594.772**	**143.655.524**	**5.956.887.710**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư ngày 01/01/2007	**1.116.954.185**	**860.136.914**	**848.438.750**	**55.579.095**	**2.881.108.944**
Khấu hao trong năm	62.232.288	120.642.119	220.687.987	49.947.420	453.509.814
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	(170.002.637)	-	-	(170.002.637)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(29.401.054)	-	-	(29.401.054)
Số dư ngày 31/12/2007	**1.179.186.473**	**781.375.342**	**1.069.126.737**	**105.526.515**	**3.135.215.067**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2007	**1.658.842.415**	**443.175.478**	**378.003.113**	**41.984.270**	**2.522.005.276**
Tại ngày 31/12/2007	**1.596.610.127**	**229.465.472**	**957.468.035**	**38.129.009**	**2.821.672.643**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 801.955.380 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007
(tiếp theo)

9. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Vay cá nhân	***19.305.321.000***	***5.274.900.000***
Ngô Trọng Quang	139.000.000	500.000.000
Nguyễn Thị La	5.769.866.000	2.082.200.000
Hoàng Thị Chính	400.000.000	220.000.000
Cao Tuyết Lê	1.549.000.000	1.052.000.000
Phạm Đức Minh	-	100.000.000
Lê Thị Nga	11.100.000	100.000.000
Ngô Phong Nhã	23.700.000	20.000.000
Ngô Thị Tuyên		
Nguyễn Thị Diệu Huyền	-	182.000.000
Phạm Quang Lạc	50.000.000	150.000.000
Lê Thu Hà	80.000.000	100.000.000
Vũ Tuấn Anh	-	500.000.000
Vũ Thị Nguyệt Viên	100.000.000	20.000.000
Lê Thị Lên	25.575.000	20.000.000
Lê Anh Hào	-	63.700.000
Phạm Đồng Cảnh	-	85.000.000
Dương Thị Tuyết Nga	-	60.000.000
Nguyễn Đào	30.880.000	-
Trần Thị Thu Thuỷ	1.860.000.000	-
Ngô Anh Thư	205.000.000	-
Ngô Thị Thanh Huyền	51.600.000	-
Lê Hoàng	246.300.000	-
Nguyễn Thị Mùi	230.000.000	-
Lê Tuyết Nhung	8.509.800.000	-
Vay ngân hàng	***14.540.586.278***	***8.172.369.256***
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Hà Nội	11.440.026.278	5.197.369.256
Công ty TNHH Chứng khoán - Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	-	2.585.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	1.400.560.000	390.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long	1.700.000.000	-
Cộng	**33.845.907.278**	**13.447.269.256**

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2007	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2007
Thuế GTGT đầu ra	(23.742.309)	870.654.880	492.663.110	354.249.461
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	888.675.207	888.675.207	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-		-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	6.583.950	6.583.950	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	109.684.013	-	78.513.045	31.170.968
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.631.500	4.631.500	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2007
(tiếp theo)

Các loại thuế khác	82.366.045	-	-	82.366.045
Cộng thuế và các khoản phải thu Nhà nước	**23.742.309**			-
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	**192.050.058**			**467.786.474**

11. Chi phí phải trả

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Trích trước chi phí lãi vay	243.567.008	200.822.186
Cộng	**243.567.008**	**200.822.186**

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Phải trả phải nộp ngắn hạn	**2.150.351.059**	**2.087.863.693**
Kinh phí công đoàn	26.459.047	14.426.658
Bảo hiểm y tế	33.492.637	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.090.399.375	2.073.437.035
Tiền liên doanh HINO chưa chi	*467.696.483*	*467.696.483*
Tiền chi phí cổ phần hoá	*375.232.851*	*375.232.851*
Trả tiền mua 3 xe ôtô	*1.139.737.767*	*1.139.737.767*
Công ty TNHH Ôtô Huyndai Vinamoto	*70.769.934*	*70.769.934*
Tổng Công ty Công nghiệp Ôtô Việt Nam	-	*20.000.000*
Thu tiền Cổ phần trả chậm		
Phải trả tạm ứng	***1.027.976.537***	***367.598.046***
Hoàng Tiến Thành	21.314.682	21.314.682
Xí nghiệp 9	-	15.771.620
Đội 8 - Công trình Phúc chu- Bảo linh	68.533.383	100.973.127
Xí nghiệp 1	146.082.830	146.082.830
Công trình nhà kho Tựu Liệt - Tam Hiệp - TT - HN (Xí nghiệp 9)	-	83.455.787
Công trình Nari Bắc Kạn	792.045.642	-
Cộng	**3.178.327.596**	**2.455.461.739**

13. Vay và nợ dài hạn

	Lãi suất	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
a) Vay dài hạn		510.625.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Hà Nội (HĐ 03/2007/HĐKT ngày 18/7/2007)	*12%/năm*	*510.625.000*	-
b) Nợ dài hạn		-	-
Cộng		**510.625.000**	**-**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2007
(tiếp theo)

4. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2006	7.500.000.000	-	75.363.034	7.575.363.034
Tăng vốn trong năm trước	7.700.000.000	-	-	7.700.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	2.897.100.327	2.897.100.327
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	1.343.771.019	1.343.771.019
Số dư tại ngày 31/12/2006	**15.200.000.000**	**-**	**1.628.692.342**	**16.828.692.342**
Tăng vốn trong năm nay	-	194.000.000	-	194.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	14.781.724.663	14.781.724.663
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	14.000.000	-	14.000.000
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	9.112.006.759	9.112.006.759
Số dư tại ngày 31/12/2007	**15.200.000.000**	**180.000.000**	**7.298.410.246**	**22.678.410.246**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Vốn góp của Nhà nước *(Tổng Công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam)*	2.550.000.000	2.550.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	12.650.000.000	12.650.000.000
Cộng	**15.200.000.000**	**15.200.000.000**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	15.200.000.000	7.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	7.700.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	15.200.000.000	15.200.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	509.010.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.520.000	1.520.000
- Cổ phiếu phổ thông	*1.520.000*	*1.520.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2007
(tiếp theo)

Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.520.000	1.520.000
- Cổ phiếu phổ thông	*1.520.000*	*1.520.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu

e) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.781.724.663	2.897.100.327
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.781.724.663	2.897.100.327
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.520.000	908.278
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.725	3.190

f) Các quỹ của công ty

	01/01/2007	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2007
Quỹ đầu tư phát triển	815.950.183	4.138.882.906	-	4.954.833.089
Quỹ dự phòng tài chính	-	2.217.258.699	-	2.217.258.699
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	194.000.000	14.000.000	180.000.000

***> Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn từ phần lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập lập trong năm bằng 15% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007 phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là quỹ Hội đồng quản trị của Công ty, được trích lập bằng 1% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2007
(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

15. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**Năm 2007 VND**	**Năm 2006 VND**
Doanh thu bán hàng	**60.669.701.137**	**12.670.427.226**
Doanh thu cung cấp dịch vụ	**138.922.858**	**24.600.000**
Doanh thu hợp đồng xây dựng	**16.279.999.274**	**6.520.342.427**
Công trình san nền, hàng rào, cổng, nhà bảo vệ	-	523.451.314
Công trình Quốc lộ 19 Gia Lai	7.950.992.886	3.761.545.454
Công trình Đồng Vàng 2	-	1.178.156.023
Công trình HINO	-	153.671.818
Công trình Tựu Liệt	386.416.727	514.160.545
Công trình Nhà máy Sản xuất và Lắp ráp Ôtô Nông dụng Cửu Long	-	389.357.273
Công trình Tỉnh lộ 185 Tuyên Quang	2.155.791.877	-
Công trình Hồ Khe - Nari	5.786.797.784	-
Cộng	**77.088.623.269**	**19.215.369.653**

16. Các khoản giảm trừ doanh thu	**Năm 2007 VND**	**Năm 2006 VND**
Giảm giá hàng bán	-	438.095.238
Hàng bán bị trả lại	-	16.007.000
Cộng	**-**	**454.102.238**

17. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**Năm 2007 VND**	**Năm 2006 VND**
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá	60.669.701.137	12.232.331.988
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	138.922.858	24.600.000
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	16.279.999.274	6.504.335.427
Cộng	**77.088.623.269**	**18.761.267.415**

18. Giá vốn hàng bán	**Năm 2007 VND**	**Năm 2006 VND**
Giá vốn của hàng hoá đã bán	***58.931.101.291***	***10.482.644.652***
Giá vốn các công trình xây lắp	***17.237.220.716***	***6.251.868.152***
Công trình Nhà máy sản xuất và Lắp ráp Ôtô Nông dụng Cửu Long	-	377.676.555
Công trình san nền, hàng rào, cổng, nhà bảo vệ	-	507.747.775
Công trình Quốc lộ 19 Gia Lai	10.040.855.305	3.649.265.891
Công trình Quốc lộ 6	-	211.395.528
Công trình Đồng Vàng 2	-	1.114.478.003
Công trình Đê Quỳnh Lâm	-	(14.787.419)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007
(tiếp theo)

Công trình HINO	-	149.061.663
Công trình Tựu Liệt	435.246.053	447.319.674
Công trình Tỉnh lộ 185 Tuyên Quang	1.990.214.510	(175.859.518)
Công trình Hồ Khe - Narì	4.769.894.848	-
Công trình san lấp mặt bằng khu công nghệ cao FPT	1.010.000	-
Công trình khác	-	(14.430.000)
Cộng	**76.168.322.007**	**16.734.512.804**

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
Lãi tiền gửi	32.409.765	12.341.496
Doanh thu từ hoạt động mua bán cổ phiếu	18.564.295.608	4.329.571.000
Tiền lãi bảo hành công trình	-	12.205.600
Tiền thu từ cổ tức nhận được	256.940.500	-
Cộng	**18.853.645.873**	**4.354.118.096**

20. Chi phí tài chính

	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
Lãi tiền vay	2.436.975.617	1.026.116.424
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	141.773.967	90.681.756
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	29.548.416	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	1.032.014.000	-
Chi phí tài chính khác	69.237.845	207.864.999
Cộng	**3.709.549.845**	**1.324.663.179**

21. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.280.637.366	4.716.940.234
Chi phí nhân công	2.052.359.457	1.764.260.653
Chi phí khấu hao tài sản cố định	453.509.814	392.986.475
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.131.555.480	437.184.937
Chi phí khác bằng tiền	4.881.065.353	11.390.549.752
Cộng	**21.799.127.470**	**18.701.922.051**

VII. Những thông tin khác

22. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Theo bảng niêm yết ngày 28/12/2007 của Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh thì chỉ số VnIndex đạt 927,02 điểm, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán (21/3/2008) chỉ số VnIndex đạt 545,68 điểm. Theo đó có thể ảnh hưởng đến các khoản đầu tư chứng khoán trong kỳ hoạt động tới.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2007
(tiếp theo)

Giá cổ phiếu niêm yết của Công ty tại ngày 21/03/2008 là 38.500 đồng/ 1 cổ phiếu.

23. Thông tin về các bên liên quan

23.1 *Giao dịch với các bên liên quan*	Quan hệ với Công ty	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
Doanh thu			
Công ty Liên doanh Sản xuất thùng xe Việt Hàn	Công ty con	-	1.481.836.564
Tổng Công ty Công nghiệp Ôtô Việt Nam	Công ty liên kết	-	523.451.314

23.2 *Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong năm*	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
Lương	51.505.847	35.937.560
Cộng	**51.505.847**	**35.937.560**

24. Những thông tin khác

24.1 Phải thu của khách hàng	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Công ty Xây dựng Công trình 54	11.870.545	11.870.545
Công ty Cơ giới 144	28.045.201	50.209.451
Ban Quản lý Dự án Biển Đông	463.272.779	463.272.779
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 30/4	-	238.486.000
Công ty Kim Đỉnh	-	5.980.574
Công ty Cổ phần Traenco	-	30.267.000
Công ty Xây dựng 472 (Quốc lộ 6)	327.452.348	327.452.348
Tổng Công ty Công nghiệp Ôtô Việt Nam	-	321.860.880
Công ty Sản xuất và Thương mại TMT	7.222.328	7.222.328
Công ty Sản xuất và Kinh doanh xe máy	-	22.973.755
Uỷ ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh	47.780.000	47.780.000
Ban Quản lý Dự án Định Hoá	365.182.274	365.182.274
Xí nghiệp 3 - Công ty Xây lắp Vật tư Kỹ thuật	-	9.500.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Miền Tây	117.047.000	123.302.000
Công ty Cổ phần Phương Nam	25.000.000	155.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng 703	-	1.606.800
Công ty Công trình Giao thông 208	7.917.000	7.917.000
Công ty Sản xuất và Thương mại TMT	-	86.472.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hưng thịnh	-	12.307.692
Công ty Liên doanh Sản xuất thùng xe Việt Hàn	-	3.138.519.478
Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng và TVTK 30-4 (CT Tựu Liệt)	400.635.000	275.576.600
Công ty Bảo hiểm Viễn Đông	-	1.223.056
Ban quản lý các dự án huyện Nari	2.065.477.562	-
Cụng ty Cổ phần cụng trỗnh 512	11.414.993	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007
(tiếp theo)

Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ tỉnh Vĩnh Phúc	2.437.500.000	-
Ban quản lý dự án đường bộ V - Công trình quốc lộ 19	4.533.952.669	-
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình và Đầu tư 120	1.091.371.064	-
Công ty Xây dựng Thuỷ lợi số 2 - Xí nghiệp Xây dựng 6	28.736.640	-
Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Thế Hệ	27.060.000	-
Công ty TNHH ABB	36.828.000	-
Cộng	**12.033.765.403**	**5.703.982.560**

24.2 Trả trước cho người bán

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Nhà máy Cơ khí 120	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	**2.500.000.000**	**2.500.000.000**

24.3 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Tạm ứng	***1.294.454.070***	***10.912.013.122***
Phạm Mạnh Hùng	1.000.000	-
Trần Văn Phong	33.000.000	33.000.000
Phạm Đồng Cảnh	-	24.047.000
Lâm Quỳnh Hương	11.070.400	17.371.100
Đội Xây dựng Công trình 2 - Quốc lộ 19	-	9.576.929.811
Hưng Yên 1- Xí nghiệp 9	-	22.006.618
Hưng Yên 2- Xí nghiệp 9	-	107.884.899
Hưng Yên 3 - Xí nghiệp 9	-	251.620.784
Quốc lộ 6 - Sơn la -Xí nghiệp 9	-	15.363.957
Nguyễn Tất Hùng- Đội 2	177.541.712	177.541.712
Phạm Văn Hai	158.829.383	495.320.641
Phạm Văn Hai	-	3.000.000
Công ty Liên doanh Việt Hàn	-	159.854.600
Đinh Công Lý	-	20.000.000
Công trình Nari Bắc Kạn	-	8.072.000
Ngô Trọng Quang	20.000.000	-
Công trình nhà kho Tựu Liệt - Tam Điệp - Thanh Trì - Hà Nội	229.210.163	-
Phạm Lan Chi	1.543.000	-
Vũ Đình Hiếu	19.001.500	-
Công trình san nền FPT	641.257.912	-
Lâm Thanh Tùng	2.000.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	***430.000.000***	-
Công ty Cao su Phước Hòa	180.000.000	-
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	250.000.000	-
Cộng	**1.724.454.070**	**10.912.013.122**

Mẫu B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2007
(tiếp theo)

24.5 Đầu tư vào Công ty con	*Tỷ lệ phần trăm quyền biểu quyết*	*Tỷ lệ phần trăm vốn*	**31/12/2007 VND**	**01/01/2007 VND**
Công ty Liên doanh Sản xuất thùng xe Việt Hàn	51%	11%	-	516.000.000
Cộng			**-**	**516.000.000**

24.6 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	*Tỷ lệ phần trăm vốn*	**31/12/2007 VND**	**01/01/2007 VND**
Đầu tư vào Công ty liên kết		**4.410.000.000**	-
Trung tâm Dạy nghề nhân đạo mỹ nghệ Kim Hoàn	49%	4.410.000.000	-
Cộng		**4.410.000.000**	-

24.7 Phải trả người bán	**31/12/2007 VND**	**01/01/2007 VND**
Guangxi Liugong Machinery Co.,Ltd	826.260.000	1.094.868.000
Korea Panel Industry Co.,Ltd (K.P.I)	-	1.068.556.012
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Trọng Quốc	-	114.235.125
Nhật Bản	76.190.476	76.190.476
Nhật Bản	66.666.666	66.666.666
Phạm Đồng Cảnh	-	15.000.000
Công ty TNHH Thiên Hoà An	20.500.000	-
Công ty TNHH Cơ khí Thành Công	624.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch ô tô Bắc Việt	362.500.000	-
Cộng	**1.976.117.142**	**2.435.516.279**

24.8 Người mua trả tiền trước	**31/12/2007 VND**	**01/01/2007 VND**
Dốc thử xe Hưng Yên 3		
Ban Quản lý dự án Đường bộ V	-	2.312.139.505
Công ty Công trình 120	-	400.000.000
Công ty TNHH Toàn thắng - Tuyên quang	-	222.000.000
Công ty Xây dựng Thủy lợi số 2- Xí nghiệp Xây dựng 6	-	24.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đô thị	-	118.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà nội	-	7.000.000
Công ty Xây dựng Đê kè và Phát triển Hạ tầng	-	15.000.000
Công ty TNHH Thép Thăng long	-	10.000.000
Công ty TNHH Dương Anh	-	20.000.000
Công ty TNHH Thế hệ	24.600.000	
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	100.000.000	
Công ty TNHH Khu công nghệ cao Hoà Lạc FPT	1.123.200.000	
Cộng	**1.247.800.000**	**3.128.639.505**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007
(tiếp theo)

24.9 Chi phí bán hàng

	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
Chi phí vật liệu bán hàng	-	90.517.268
Chi phí đồ dùng bán hàng	-	748.703
Chi phí dịch vụ mua ngoài	387.984.505	753.595.815
Chi phí bằng tiền khác	-	36.731.356
Cộng	**387.984.505**	**881.593.142**

24.10 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
Chi phí nhân viên quản lý	613.781.565	536.126.604
Chi phí vật liệu quản lý	30.003.328	2.950.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	25.902.248
Chi phí khấu hao TSCĐ	453.509.814	463.954.684
Thuế, phí, lệ phí	-	62.050.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	997.256.961	522.670.615
Chi phí bằng tiền khác	170.067.100	54.785.372
Cộng	**2.264.618.768**	**1.668.439.796**

24.11 Thu nhập khác

	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
Thu từ Thanh lý Tài sản cố định	217.142.856	198.095.238
Thu từ cho thuê máy, cho xe khác đi nhờ sân	-	277.694.113
Chi phí cho Công ty Liên doanh Sản xuất thùng xe Việt Hàn đã tính vào chi phí các năm trước	1.233.195.780	-
Thu nhập khác	12.659.897	-
Cộng	**1.462.998.533**	**475.789.351**

24.12 Chi phí khác

	Năm 2007 VND	Năm 2006 VND
Giá trị còn lại của Tài sản cố định thanh lý	93.067.887	84.865.614
Cộng	**93.067.887**	**84.865.614**

24.13 Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	*Đơn vị tính*	*Năm 2007*	*Năm 2006*
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	87,43	92,21

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2007
(tiếp theo)

- Tài sản dài hạn /Tổng tài sản	%	12,57	7,79
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	57,83	55,32
- Vốn chủ sở hữu /Tổng nguồn vốn	%	42,17	44,68
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	Lần	1,73	1,81
2.2 Khả năng thanh toán nợ đến hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,53	1,67
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (Tiền hiện có/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,07	0,04
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế /Doanh thu	%	19,17	15,08
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu	%	19,17	15,08
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản bình quân	%	26,54	8,22
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản bình quân	%	26,54	8,22
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	**%**	***61,65***	***22,95***

24.1. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2006 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Cơ khí số 1 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CƠ KHÍ SỐ 1

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
Đỗ Ánh Mai	**Nguyễn Trọng Hà**	**Vũ Tuấn Anh**